Mẫu số 17

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
--------o0o--------

HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ *[ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: _____ *[ghi tên dự án]*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Địa chỉ : Số 1 Giang Văn Minh - Phường Kim Mã - Quận Ba Đình - Hà Nội.

Mã số thuế : 0104753865

Điện thoại : (024) 62661155 Fax: (024) 62751783

Tài khoản số : 0591122222266

Tại : Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Ba Đình - Hà Nội.

Đại diện là : Ông **……** Chức vụ: ……

(Theo Ủy quyền số .....)

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *:*_____

Địa chỉ : _____

Điện thoại :_____

Fax :_____

E-mail : _____

Tài khoản : _____

Mã số thuế : _____

Đại diện là ông/bà :_____

Chức vụ : _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau :

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa*, dịch vụ liên quan [với trường hợp phạm vi cung cấp có dịch vụ liên quan]* được nêu chi tiết tại Phụ lục *1 [ghi tên Phụ lục ứng với số thứ tự phụ lục nêu tại Mục 1 của Điều 2 dưới đây]* kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau :

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
   - *Phụ lục 1: Danh mục hàng hóa và giá cả*
   - *Phụ lục 2: Phụ lục về kỹ thuật (chỉ tiêu kỹ thuật, mô tả hàng hóa, catalog,…)*
   - *Phụ lục 3: Phụ lục về nghiệm thu hàng hóa*
   - *Phụ lục 4: Tiến độ, địa điểm thực hiện hợp đồng*
   - *Phụ lục 5: Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật.*
   - *Phụ lục 6: Đào tạo (nếu có)*
   - *Phụ lục 7: Các biểu mẫu*
   - *E-ĐKCT của hợp đồng;*
   - *E-ĐKC của hợp đồng;*
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa*, dịch vụ liên quan [với trường hợp phạm vi cung cấp có dịch vụ liên quan]* như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng:

Ngoài ra, Bên B có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- *Trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin: Tất cả các hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng này phải đảm bảo không có khả năng cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, an ninh mạng, cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam và trên thế giới. Trường hợp Bên A hoặc cơ quan nhà nước phát hiện bất kỳ sản phẩm nào của hãng sản xuất thiết bị, phần mềm của Bên B gây ra hoặc có nguy cơ cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, mất an toàn cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam hoặc trên thế giới, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng và Bên B phải chịu các chế tài theo quy định tại Hợp đồng. Bên B chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và phí tổn liên quan [Áp dụng đối với các loại hàng hóa có nguy cơ mất an toàn thông tin, an toàn an ninh mạng].*
- Bên B có trách nhiệm cùng Bên A ký Biên bản thanh lý và quyết toán hợp đồng trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Hai bên ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC) với điều kiện Bên B đã hoàn thành trách nhiệm xử lý các khoản phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng này. Biên bản thanh lý quyết toán hợp đồng sẽ nêu rõ các nghĩa vụ hoàn thành của các bên và các nghĩa vụ còn lại (nếu có) như nghĩa vụ bảo hành và các cam kết cho tương lai, các nghĩa vụ thực hiện thanh toán nốt theo quy định của Hợp đồng. Nếu quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày Hai bên ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC) mà Bên B vẫn không giải quyết dứt điểm các khoản phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) thì coi như Bên B đồng ý với khoản phạt, bồi thường đó và chấp nhận các quyết định và hình thức xử lý vi phạm của Bên A.
- Trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt một phần hoặc toàn bộ do Bên B vi phạm Hợp đồng như quy định tại Mục 29 E-ĐKC, Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Bên A như quy định tại Mục 22 E-ĐKC và Mục 22 E-ĐKCT, phải trả lại cho Bên A các khoản tiền mà Bên A đã thanh toán cho Bên B (nếu có) đối với phần bị chấm dứt. Sau đó, Bên B có trách nhiệm lấy lại hàng hóa bị chấm dứt theo Hợp đồng tại kho/địa điểm chỉ định của Bên A. Đối với phần Hợp đồng không bị chấm dứt (nếu có), hai bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.
- Khi Bên B vi phạm Hợp đồng và phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại và/hoặc phạt vi phạm, Bên A có quyền gửi giấy đòi tiền bồi thường thiệt hại và/hoặc phạt vi phạm cho Bên B. Bên B có trách nhiệm trả tiền bồi thường và/hoặc phạt vi phạm trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được giấy đòi tiền hoặc Bên A sẽ khấu trừ các khoản bồi thường và/hoặc phạt vi phạm đó từ khoản phải trả cho Bên B.
- Bên B cam kết và bảo đảm rằng:

  Bên B - bao gồm nhưng không giới hạn: toàn bộ thành viên, nhân viên thuộc Công ty, các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đại lý, đại diện, nhà thầu phụ của Công ty hoặc bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định, liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không trực tiếp, gián tiếp đưa các lợi ích vật chất và/hoặc hứa hẹn, cam kết, bảo đảm đưa các khoản lợi ích vật chất cho bất kỳ thành viên

hoặc đại diện nào của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng, không minh bạch.

Bên B phải thông báo ngay cho Bên A nếu phát hiện bất kỳ hành vi đòi các khoản lợi ích của nhân viên hoặc người đại diện cho Bên A.

Trong trường hợp Bên B vi phạm những quy định này thì Bên A có quyền áp dụng một hoặc đồng thời các biện pháp, chế tài phù hợp bao gồm nhưng không giới hạn:

+ Đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì, phạt Bên B vi phạm Hợp đồng. Khi đó, mọi chi phí phát sinh và thiệt hại (nếu có) do Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Hợp đồng.
+ Hủy kết quả đấu thầu và đưa Bên B vào danh sách các Bên B cần phải kiểm soát khi tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ/ hàng hóa khác hoặc không được tham gia chào thầu Cung cấp dịch vụ/ hàng hóa cho Bên A.
+ Bên B phải bồi thường cho Bên A và chịu trách nhiệm đối với bất kỳ và tất cả các tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm và/hoặc khiếu nại (kể cả tiền phạt và hình thức phạt của Nhà nước) mà Bên A phải chịu. Ngoài ra, Bên B sẽ phải trả cho Bên A một khoản tiền phạt với mức cao nhất mà pháp luật quy định, mức phạt tối thiểu bằng 150.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu đồng)/ lần vi phạm.
+ Ngoài ra, Bên A sẽ xem xét mức độ nghiêm trọng và sẽ đề nghị khởi tố theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Miễn trừ: Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi đưa các lợi ích vật chất của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi này của Bên B.

- [Trong trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh]: Nghĩa vụ của các thành viên trong liên danh tại toàn bộ Hợp đồng là nghĩa vụ liên đới, theo đó, Bên A có quyền yêu cầu bất cứ thành viên nào thuộc liên danh phải thực hiện một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại.

[Lưu ý : Tùy thuộc vào tính chất và đặc điểm của từng gói thầu, đơn vị có thể bổ sung các trách nhiệm khác của Nhà thầu sao cho phù hợp trên nguyên tắc không trái với quy định của E-HSMT hoặc không được làm tăng chi phí của gói thầu.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. **Giá hợp đồng**: .....*VNĐ*

   Bằng chữ: .....

2. **Phương thức thanh toán:** Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Ghi loại hợp đồng tương ứng với KHLCNT]*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: .....

[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả

thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]

[Lưu ý : Khi hoàn thiện Hợp đồng phải nêu cụ thể tiến độ giao hàng, dịch vụ liên quan và các mốc thực hiện khác (nếu có). Tiến độ thực hiện hợp đồng được thể hiện chi tiết ở Phụ lục 4 với tổng tiến độ không vượt quá thời gian thực hiện hợp đồng].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký và đóng dấu và Chủ đầu tư nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng như quy định tại Mục 5 E-ĐKC và Mục 5.1, 5.3 E-ĐKCT.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng theo luật định.
3. Nếu có những điểm trong Hợp đồng này mất hiệu lực pháp lý thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc các bên.
4. Mọi sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung cho Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai bên. Phụ lục sửa đổi Hợp đồng sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai bên ký.
5. *Hai bên thống nhất các quy định về An toàn thông tin (nếu có), Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng, Quyền tác giả, Bồi thường vi phạm sáng chế, Luật áp dụng, Giải quyết tranh chấp sẽ duy trì hiệu lực áp dụng kể cả khi Hợp đồng đã thanh lý hoặc chấm dứt trong bất kỳ trường hợp nào.*

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Chủ đầu tư giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC 1 - BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

TT	Danh mục hàng hóa	Hãng/ Xuất xứ	ĐV	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thàn tiền (VNĐ)
1						
2						
3						
…						
…						
	Cộng giá trị chưa bao gồm thuế					
	Thuế GTGT (….%)					
	Cộng giá trị đã bao gồm thuế					

(Bằng chữ: …… ./.)

PHỤ LỤC 2: PHỤ LỤC VỀ KỸ THUẬT

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

PHỤ LỤC 3: PHỤ LỤC VỀ NGHIỆM THU HÀNG HÓA

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

[Điều chỉnh theo quy trình lấy mẫu, kiểm tra hàng hóa (KCS) hiện hành]

Phụ lục 3.1. Quy trình tổ chức bàn giao, kiểm tra hàng hóa

I. Kiểm tra, bàn giao hàng hóa

1. *Kiểm tra bàn giao:*

Khi giao nhận hàng, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa/thiết bị đến kho hoặc địa điểm chỉ định của Chủ đầu tư để tiến hành kiểm tra và bàn giao hàng hoá với Chủ đầu tư.

Đại diện của Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ có trách nhiệm lắp dựng thử hàng hóa (khi Bên Mua yêu cầu), kiểm tra về chủng loại, số lượng, tình trạng ngoại quan, nhãn mác, serial (nếu có) và tiến hành bàn giao hàng hóa của mỗi lô hàng. Kết quả kiểm tra, bàn giao hàng hóa sẽ được ghi nhận trong *Biên bản bàn giao hàng hóa (sơ bộ)* của mỗi lô hàng và được ký bởi đại diện giao nhận của hai bên. Biên bản bàn giao này sẽ là chứng từ pháp lý trong trường hợp xảy ra khiếu nại (hàng hóa bị hư hỏng, thiếu hụt – nếu có).

2. Kiểm tra KCS

2.1. Nội dung kiểm tra

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hàng hóa của mỗi lô hàng được bàn giao tại kho/địa điểm của Chủ đầu tư, đại diện của hai bên sẽ tiến hành kiểm tra (KCS) lô hàng. Nội dung kiểm tra như sau:

- Bên Bán có trách nhiệm lắp dựng thử hàng hóa (khi Bên Mua yêu cầu).
- Chủng loại, số lượng, xuất xứ, hãng sản xuất, năm sản xuất, số serial (nếu có), quy cách hàng hoá;
- Chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại Phụ lục 2.
- Chứng từ giao hàng.

2.2. Nguyên tắc lấy mẫu

Chủ đầu tư có quyền lựa chọn ngẫu nhiên số lượng hàng hóa từ mỗi lô hàng Nhà thầu giao (gọi tắt là "Hàng mẫu KCS") để kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật.

2.2.1. Kiểm tra KCS tại kho/Địa điểm quy định của Chủ đầu tư:

Số lượng mẫu KCS và số lượng lỗi theo cho phép tham chiếu theo Bảng giới hạn nghiệm thu chất lượng - Acceptance Quality Limit (sau đây gọi là Bảng AQL) dưới đây:

TT	Số lượng hàng hóa trong 1 lô cần kiểm tra	Số lượng mẫu quy đổi							
		Mức kiểm tra đặc biệt (SIL)				Mức độ kiểm tra chung (GIL)			Số lượng lỗi cho phép/lô hàng
		S-1	S-2	S-3	S-4	I	II	III	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
1	2 ÷ 8	2	2	2	2	2	2	3	0
2	9 ÷ 15	2	2	2	2	2	3	5	0

TT	Số lượng hàng hóa trong 1 lô cần kiểm tra	Số lượng mẫu quy đổi							
		Mức kiểm tra đặc biệt (SIL)				Mức độ kiểm tra chung (GIL)			Số lượng lỗi cho phép/lô hàng
		S-1	S-2	S-3	S-4	I	II	III	
3	16 ÷ 25	2	2	3	3	3	5	8	0
4	26 ÷ 50	2	3	3	5	5	8	13	0
5	51 ÷ 90	3	3	5	5	5	13	20	0
6	91 ÷ 150	3	3	5	8	8	20	32	0
7	151 ÷ 280	3	5	5	13	13	32	50	0
8	281 ÷ 500	3	5	8	13	20	50	80	0
9	501 ÷ 1.200	5	5	8	20	32	80	125	≤1
10	1.201 ÷ 3.200	5	8	13	32	50	125	200	≤1
11	3.201 ÷ 10.000	5	8	13	32	80	200	315	≤2
12	10.001 ÷ 35.000	5	8	20	50	125	315	500	≤3
13	35.001 ÷ 150.000	8	13	32	80	200	500	800	≤5
14	150.001 ÷ 500.000	8	13	32	80	315	800	1250	≤7
15	≥ 500.001	8	13	50	125	500	1250	2000	≤10

Ghi chú:

- Mức kiểm tra đặc biệt (SIL): Áp dụng với các chỉ tiêu đặc biệt (phải đi thí nghiệm hoặc phá hủy mẫu khi test), thường sử dụng S-1.

- Mức kiểm tra chung (GIL): Áp dụng với các chỉ tiêu thông thường, thường sử dụng GIL II

- Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể áp dụng các mức kiểm tra S-2, S-3, S-4, GIL III.

2.2.2. Kiểm tra tại các tổ chức đo kiểm bên ngoài: *(nếu có theo yêu cầu kỹ thuật)*

- Đối với các chỉ tiêu kỹ thuật cần đo kiểm tại tổ chức hoặc bên thứ ba có chức năng đo kiểm (sau đây gọi tắt là 'Tổ chức đo kiểm bên ngoài"), Chủ đầu tư lựa chọn số lượng mẫu thử nghiệm tại Bảng AQL (SIL)) để đo kiểm, thử nghiệm.
- Tổ chức đo kiểm bên ngoài là các đơn vị có năng lực được chỉ định bởi Chủ đầu tư theo thứ tự ưu tiên như sau: **(1)** Đơn vị có chứng chỉ ISO/IEC 17025; **(2)** Đơn vị không có chứng chỉ ISO/IEC 17025 nhưng được Bộ chủ quản công nhận năng lực thử nghiệm; **(3)** Đơn vị không có chứng chỉ ISO/IEC 17025 nhưng có phương tiện đo/công cụ đảm bảo năng lực đo kiểm/thử nghiệm.
- Đối với các chỉ tiêu kỹ thuật có bài đo phá hủy (bài đo gây phá hủy hoặc làm thay đổi tính chất, chất lượng của hàng hóa) dẫn đến hàng hóa bị hỏng sau khi thử nghiệm, không đảm bảo chất lượng đưa vào sử dụng thì Nhà thầu có trách nhiệm cấp bù số lượng hàng hóa tương ứng cho Chủ đầu tư.

2. ***Xử lý kết quả kiểm tra và bàn giao***

2.1. Trường hợp số lượng lỗi cho phép/lô hàng không đáp ứng Bảng AQL (Cột số (10)), Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục, hoặc bổ sung hoặc thay thế toàn bộ lô hàng có lỗi đó không chậm hơn thời hạn giao hàng theo quy định tại Hợp đồng.

2.2. Trong mọi trường hợp, ngày Chủ đầu tư nhận được hàng hóa thay thế/bổ sung/khắc phục chậm trễ so với thời hạn giao hàng quy định, Nhà thầu sẽ chịu phạt giao chậm như quy định tại Mục 22 E-ĐKC và E-ĐKCT.

2.3. Sau khi nhận được lô hàng thay thế/bổ sung/khắc phục, Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra lại theo quy định tại Mục I.2 - Kiểm tra KCS.

Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy hàng hoá của lô hàng thay thế hoặc bất cứ lô hàng tiếp theo nào vẫn không đáp ứng số lượng lỗi cho phép/lô hàng theo Bảng AQL hoặc thời gian Nhà thầu khắc phục/thay thế vượt quá 40 ngày so với thời gian giao hàng quy định tại Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ hàng hóa/thiết bị của Nhà thầu và chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Nhà thầu chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 E-ĐKC, Mục 22 E-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng.

2.4. Trường hợp số lượng lỗi cho phép/lô hàng đáp ứng Bảng AQL, Chủ đầu tư sẽ chấp nhận lô hàng. Nhà thầu có trách nhiệm thay thế hàng lỗi (nếu có) bằng hàng hóa đáp ứng quy định của Hợp đồng.

3. ***Ký Biên bản bàn giao hàng hóa tổng thể (HOC)***

HOC sẽ được ký (chữ ký điện tử/chữ ký số được chấp nhận) và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên trong vòng *15 (mười lăm)* ngày kể từ ngày hoàn thành kiểm tra (là ngày Biên bản KCS được ký duyệt) toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được đúng, đủ toàn bộ hàng hoá và chứng từ phù hợp theo quy định tại Hợp đồng.

II. Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC)

Sau khi Biên bản bàn giao hàng hóa (HOC) được hai Bên ký và đóng dấu, Bên A có trách nhiệm triển khai lắp đặt hàng hóa tại địa điểm của mình. Khi được Bên A yêu cầu, Bên B sẽ cử kỹ sư và nhân viên có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa cùng chuyên gia của hãng đến để phối hợp, hướng dẫn, đào tạo nhân viên kỹ thuật của Bên A trong suốt quá trình trên. Hai Bên sẽ kiểm tra, đo các thông số kỹ thuật, tính đồng bộ, khả năng khai thác sử dụng các tính năng của hàng hóa theo yêu cầu của Hợp đồng (nếu có).

Nếu kết quả lắp đặt, đo kiểm và kiểm tra, vận hành chứng tỏ rằng hàng hoá không phù hợp (không phải do lỗi của Bên A, việc xác minh lỗi tuân thủ theo quy trình tại Phụ lục 3.2, 3.3) với Hợp đồng (hỏng, thiếu và/hoặc hoạt động không ổn định và/hoặc không đáp ứng theo các tiêu chí kỹ thuật quy định trong hợp đồng và/hoặc tỷ lệ lỗi của hàng hóa cao hơn tỷ lệ lỗi cam kết tại Phụ lục 3.2), Bên A có quyền lựa chọn:

(i) Từ chối hàng hoá đã nhận và Bên B phải trả lại cho Bên A các khoản tiền mà Bên A đã thanh toán cho Bên B và Bên B phải chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 E-ĐKC, Mục 22 E-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng. Hoặc:

(ii) Yêu cầu Bên B bổ sung hoặc thay thế hàng hoá lỗi hoặc thay thế toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng bằng hàng hóa mới theo quy định tại Khoản 2 Mục 23.5, E-23.6 ĐKCT, đồng thời chịu phạt vi phạm chất lượng bằng tám phần trăm (8%)

tổng giá trị phần hàng hóa vi phạm. Trong trường hợp Bên B chậm bổ sung/ thay thế hàng hóa lỗi hoặc sau khi bổ sung/thay thế mà hàng hoá không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định trong Hợp đồng, Bên A có quyền từ chối hàng hóa của Bên B và huỷ Hợp đồng. Trong trường hợp huỷ Hợp đồng, Bên B phải chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 E-ĐKC, Mục 22 E-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng.

Nếu kết quả kiểm tra xác định hàng hoá phù hợp với quy định tại Hợp đồng, **Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC)** sẽ được ký (chữ ký điện tử/chữ ký số được chấp nhận) và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày biên bản bàn giao hàng hóa (HOC) được ký kết với điều kiện Nhà thầu đã hoàn thành hết các phạm vi công việc khác theo quy định của Hợp đồng (nếu có);

III. Các nội dung khác

Bất cứ thời điểm nào trong quá trình đánh giá kiểm tra kỹ thuật nêu trên, Chủ đầu tư phát hiện và xác định hàng hoá không phù hợp như quy định của Hợp đồng, Nhà thầu bằng chi phí của mình, có trách nhiệm khắc phục, bổ sung hoặc sửa chữa/thay thế hàng hoá lỗi hoặc thay thế toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng bằng hàng hóa đáp ứng quy định của Hợp đồng trong thời gian thực hiện như quy định tại Hợp đồng. Trong mọi trường hợp, nếu thời gian khắc phục lỗi của Nhà thầu chậm so với tiến độ theo quy định thì Nhà thầu sẽ chịu phạt chậm như quy định tại Mục 22 E-ĐKC và Mục 22 E-ĐKCT của Hợp đồng.

Trong mọi trường hợp khi có sự cố phát sinh, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải liên hệ với Chủ đầu tư hoặc cử kỹ sư có kinh nghiệm hoặc chuyên gia của hãng đến cùng tìm nguyên nhân (nếu có yêu cầu của Chủ đầu tư), đề xuất phương án giải quyết, khắc phục để hạn chế thiệt hại cho các bên trong vòng 48h kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

Trong tất cả các trường hợp, các thiết bị được khắc phục/sửa chữa/thay thế/bổ sung sẽ được kiểm tra lại. Sau khi khắc phục/sửa chữa/bổ sung/thay thế mà hàng hoá vẫn không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định trong Hợp đồng; hoặc Nhà thầu khắc phục vượt quá **40 ngày** so với tiến độ thực hiện Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Nhà thầu chịu trách nhiệm như quy định tại Mục 22, 29 E-ĐKC và Mục 22 E-ĐKCT và Điều 4 của văn bản Hợp đồng.

Phụ lục 3.2. Tỷ lệ lỗi/ hỏng của hàng hóa trong thời gian chạy thử/ bảo hành

1. Định nghĩa Tỷ lệ lỗi/hỏng của hàng hóa, vật tư:

Tỷ lệ lỗi/hỏng của hàng hóa trong thời gian chạy thử/ bảo hành (FR_{bh}): là tỷ lệ % lỗi/hỏng của hàng hóa (do lỗi của nhà sản xuất, không phải do lỗi của Bên A) được tính toán theo công thức sau:

$$FR_{bh} = \frac{\text{Số lượng hàng hóa, vật tư bị lỗi/hỏng trong thời gian chạy thử/Bảo hành}}{\text{Số lượng hàng hóa, vật tư của hợp đồng được đưa vào sử dụng}}$$

Tỷ lệ lỗi/hỏng được xác định riêng đối với mỗi loại hàng hóa, vật tư trong Phụ lục 01 của hợp đồng. Quy trình kiểm tra, xác minh lỗi hàng hóa tuân thủ theo quy trình tại Phục lục 3.3 của Hợp đồng.

2. Quy định tỷ lệ lỗi/hỏng của hàng hóa trong thời gian chạy thử, bảo hành:

Bên B cam kết Hàng hóa, vật tư cung cấp theo hợp đồng phải đảm bảo có tỷ lệ lỗi/hỏng (do lỗi của nhà sản xuất, không phải do lỗi của Bên A) trong thời gian chạy thử, bảo hành không vượt quá giá trị như sau:

- Số lượng ≤ 50: Tỷ lệ lỗi/hỏng ≤ 01 hàng hóa, vật tư/năm.
- 50 < số lượng ≤ 100: Tỷ lệ lỗi/hỏng ≤ 02 hàng hóa, vật tư/năm.
- Số lượng >100, tỷ lệ lỗi/hỏng quy định theo thời gian như sau:

TT	Thời gian đưa vào hoạt động (T)	Tỷ lệ lỗi/hỏng cho phép (FR)
1	T ≤ 03 tháng	FR ≤ 0,7%
2	T ≤ 06 tháng	FR ≤ 1,3%
3	T ≤ 12 tháng	FR ≤ 2,0%
4	T ≤ M tháng	FR ≤ X%

Ghi chú: Đối với thiết bị có thời gian đưa vào sử dụng, bảo hành > 12 tháng thì tỷ lệ hỏng cho phép được nội suy dựa trên tỷ lệ hỏng trong 6 tháng, 12 tháng ở trên. Công thức tính nội suy như sau:

$$X = 2 + \frac{(2-1,3)*(M-12)}{(12-6)}$$

Đơn vị sử dụng của Bên A: tổ chức theo dõi, đánh giá định kỳ tỷ lệ lỗi/hỏng của toàn bộ hàng hóa đưa vào sử dụng, hoạt động trên mạng lưới. Báo cáo tỷ lệ lỗi/hỏng hàng hóa định kỳ theo quý hoặc báo cáo đột xuất (khi hàng hóa lỗi/hỏng đột biến hoặc tỷ lệ hỏng > tỷ lệ hỏng cho phép của Hợp đồng). **Phòng …… của Bên A** chủ trì và **Đơn vị sử dụng của Bên A** phối hợp trong việc xác định nguyên nhân lỗi/hỏng hàng hóa và đề xuất các biện pháp xử lý, khắc phục.

Bên B phối hợp với Bên A trong việc xác định nguyên nhân lỗi/hỏng hàng hóa (theo

Quy trình xác minh tại Phụ luc 3.3 của hợp đồng) và giải quyết các vấn đề thương mại của Hợp đồng.

Phụ lục 3.3. Quy trình xử lý hàng hóa lỗi/ hỏng do nhà sản xuất

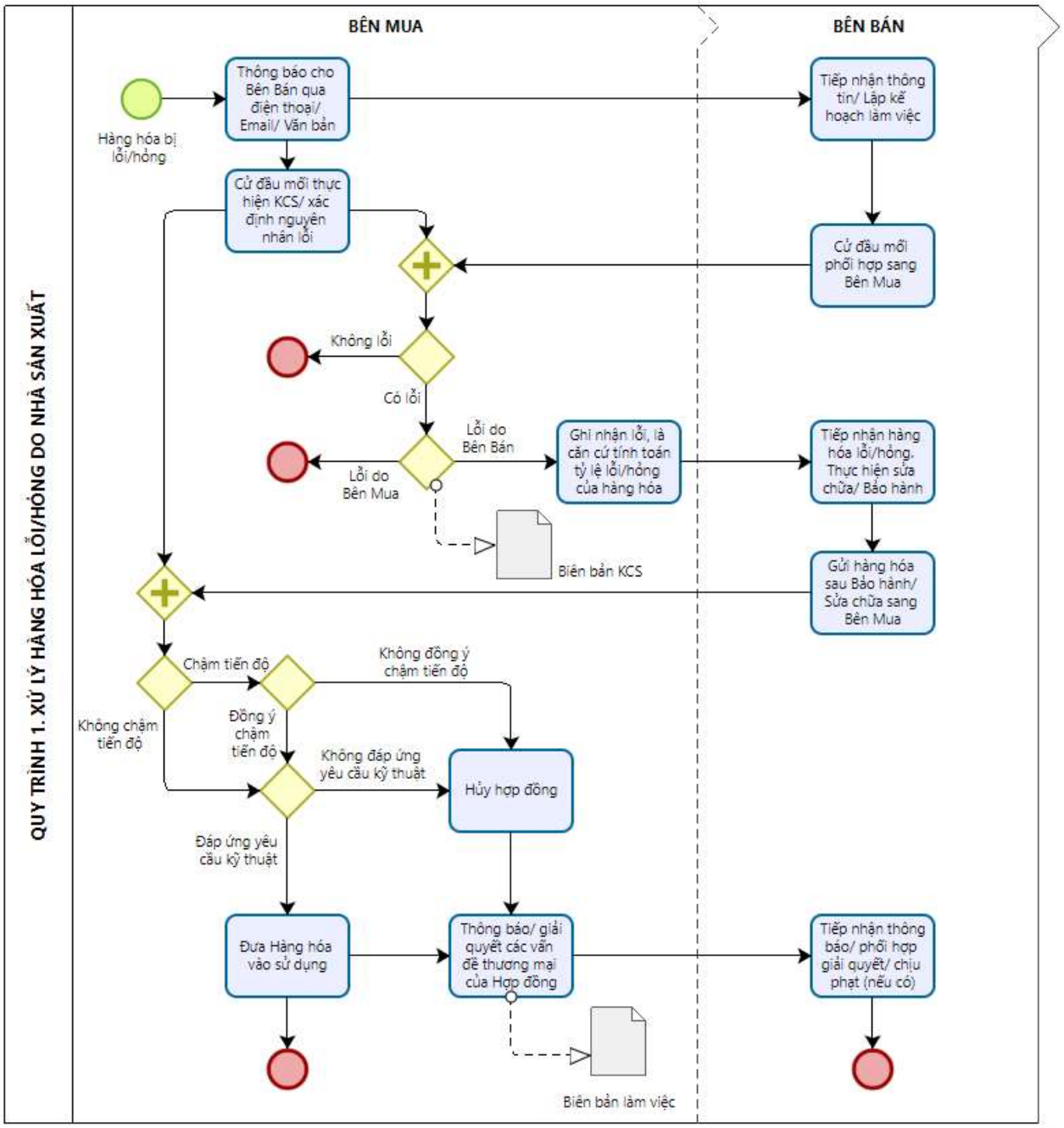

PHỤ LỤC 4: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

PHỤ LỤC 5: DỊCH VỤ BẢO HÀNH VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

5.1 Bên Bán có trách nhiệm bảo hành hàng hóa, thiết bị cung cấp cho Bên Mua theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất được nêu trong sách Hướng dẫn sử dụng xe và Sổ bảo hành xe.

Xe được bảo hành trong thời ≥ 60 tháng hoặc 150.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước theo quy định trong Sổ bảo hành và Sổ theo dõi bảo dưỡng được cung cấp bởi đại diện nhà sản xuất, phân phối xe tại Việt Nam.

Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hóa trong thời gian bảo hành:

(i) Khi có hư hỏng, khuyết tật phát sinh, Bên Mua thông báo cho Bên Bán bằng điện thoại, Fax hoặc Email.

(ii) Trong thời gian bảo hành, mọi hỏng hóc của hàng hóa do lỗi nhà sản xuất được xác định rõ trong Sổ bảo hành thì đều được Bên Bán sửa chữa và/ hoặc thay thế miễn phí.

(iii) Trong thời gian chậm nhất 24 giờ, kể từ khi hàng hóa được đưa vào trạm bảo hành, Bên Bán đưa ra phương án sửa chữa, khắc phục.

(iv) Thời gian sửa chữa, khắc phục: do hai bên thỏa thuận tùy vào mức độ hư hỏng, khuyết tật phát sinh của hàng hóa.

Các dịch vụ hỗ trợ kèm theo trong thời gian bảo hành:

a) Hỗ trợ kỹ thuật online, qua điện thoại: 24h/24h;

b) Miễn phí bảo dưỡng khi xe chạy 2.000km đầu tiên;

c) Các lần bảo dưỡng sau được thực hiện tại mức 20.000 km và 40.000 km (theo mức bảo dưỡng định kỳ được khuyến cáo bởi nhà sản xuất) và bên Mua chịu hoàn toàn chi phí;

d) Bên Bán cam kết có đầy đủ vật tư, linh kiện, phụ kiện thay thế phục vụ công tác sửa chữa hỏng hóc với bất kỳ thành phần nào của hàng hóa đã cung cấp.

5.2 Hàng hóa được sửa chữa trong thời gian bảo hành sẽ được bảo hành tiếp trong thời gian 6 tháng kể từ ngày Bên Mua nhận hàng hóa đã được sửa chữa hoặc đến hết thời hạn bảo hành như quy định.

5.3 Bên Mua có trách nhiệm tuân thủ mọi quy tắc bảo hành. Nếu các lỗi do Bên Mua gây ra như dùng không đúng quy trình kỹ thuật, hoặc các lỗi xảy ra ngoài thời gian bảo hành thì Bên Bán có trách nhiệm sửa chữa thiết bị nhưng chi phí sẽ do Bên Mua chịu. Địa điểm bảo hành: hàng hóa được bảo hành, bảo dưỡng tại các địa điểm là đại lý chính thức trên toàn quốc theo cam kết của Bên Bán.

5.4 Bên Bán phải chuẩn bị sẵn sàng các thiết bị thay thế trong kho của mình cho công việc bảo trì, sửa chữa, thay thế trong vòng mười (10) năm kể từ ngày ký Hợp đồng.

5.5 Ngoài các nghĩa vụ về bảo hành thiết bị như quy định ở Điều 7 này, Bên Bán còn có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật từ xa với thời gian 24/7 trong suốt thời gian bảo hành như quy định nếu được Bên Mua yêu cầu.

PHỤ LỤC 6: ĐÀO TẠO *[Không áp dụng]*

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Sau khi ký Biên bản bàn giao hàng hóa, Bên B chịu trách nhiệm tổ chức 01 khóa đào tạo cho Bên A (nếu Bên A yêu cầu). Đào tạo ở mức cao nhất về lắp đặt, vận hành, xử lý sự cố và bảo dưỡng toàn bộ hàng hóa để các kỹ sư của Bên A có đầy đủ thông tin, kiến thức lý thuyết và thực hành đối với hàng hóa. Chi tiết khóa đào tạo như sau:

- Địa điểm: địa chỉ cụ thể theo chỉ định của Bên A tại Việt Nam.
- Giảng viên: Là chuyên gia của Hãng sản xuất hoặc của Bên B được cấp chứng chỉ của Nhà sản xuất
- Chi tiết về số lượng học viên, thời gian đào tạo và các nội dung khác: sẽ quy định cụ thể khi ký hợp đồng chính thức.

Bên B có trách nhiệm cung cấp tài liệu đào tạo và trả lời các câu hỏi của Bên A liên quan đến hàng hóa.

Mọi chi phí liên quan đến khóa đào tạo bao gồm toàn bộ các chi phí như chi phí đi lại, sinh hoạt, bảo hiểm,... sẽ do Bên B chịu.

Sau khóa học, (Nếu Bên A yêu cầu) Bên B sẽ tổ chức kiểm tra các học viên để đánh giá và cấp chứng chỉ cho những học viên đạt yêu cầu. Trách nhiệm đào tạo được coi là hoàn thành chỉ sau khi hai Bên ký Biên bản xác nhận đào tạo.

PHỤ LỤC 7: CÁC BIỂU MẪU (NẾU CÓ)

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Biểu mẫu Biên bản nghiệm thu kỹ thuật (TAC)

Biểu mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KỸ THUẬT \ (TAC)

Số:

- Căn cứ vào Hợp đồng số ……..ngày …….. ký giữa Tổng Công ty CP Công trình Viettel và Công ty TNHH Một thành viên Toyota Mỹ Đình về việc …….;
- Căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu về chỉ tiêu kỹ thuật kèm theo;
- Căn cứ biên bản KCS số ……..của Bộ phận KCS-Phòng Kỹ thuật Công nghệ - Tổng Công ty CP Công trình Viettel.

Hôm nay, ngày tháng năm 2023, tại Tổng Công ty Cổ phần Công Trình Vietel, chúng tôi gồm:

BÊN A (BÊN MUA): TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL
Đại diện: Ông Chức vụ:
(Theo Ủy quyền số
BÊN B (BÊN BÁN):
Đại diện: Ông Chức vụ:

Hai bên đã tiến hành kiểm tra kỹ thuật và nghiệm thu hàng hóa Hợp đồng số …….theo những nội dung như sau:

1. Đánh giá tình trạng kỹ thuật, khối lượng bàn giao.

- Số lượng chủng loại hàng hóa hai bên giao nhận đúng theo nội dung điều khoản hợp đồng đã ký kết, cụ thể như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng		
				Tổng	KV1	KV2

- Hai bên đã tiến hành kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật. Kết quả kiểm tra đảm bảo hàng hóa đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật và chất lượng quy định tại hợp đồng số ……

2. Kết luận:

- Hai bên nhất trí nghiệm thu kỹ thuật và chính thức đưa vào sử dụng toàn bộ số vật tư, hàng hóa nêu trên .
- Toàn bộ hàng hóa được bảo hành theo nội dung điều khoản của hợp đồng số ……..

Biên bản này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B **ĐẠI DIỆN BÊN A**

Mẫu số 18

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư")

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là "Hợp đồng"); (1)

Theo quy định trong E-HSMT *(hoặc hợp đồng)*, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng(2)]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là____ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.1 E-ĐKCT của E-HSMT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày___ tháng__ năm___(3).

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") là nhà thầu trúng

thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số__ *[ghi số hợp đồng]* ngày__ tháng___ năm___ (sau đây gọi là "Hợp đồng")."

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.1 E-ĐKCT.

Mẫu số 19

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG (1)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi:___ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư ")

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ___ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ___ *[ghi địa chỉ của ngân hàng*(2)*]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày___ tháng___ năm___ (3).

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện

hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.